

**Phụ lục 4**

**CHI PHÍ MỘT LẦN KCB THẤP HƠN 15% MỨC LƯƠNG CƠ SỞ DO TĂNG MỨC LƯƠNG CƠ SỞ  
(GD1: 1.1.2019 - 30.6.2019)**

(Kèm theo Công văn số /BVM-TC-KHTH ngày tháng 7 năm 2020)

DVT : đồng

S T T	Họ và tên	Năm sinh		Mã thẻ BHYT	Mã ĐKBĐ	Mã Bệnh	Ngày khám	Tổng cộng	Đề nghị BHXH thanh toán		Tỷ lệ chi trả	Chênh lệch giai đoạn 1
		Nam	Nữ						Tổng cộng	Trong đó CP ngoài quỹ định suất		
A	B	C	D	E	F	G	H	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
1	HUỶNH THỊ QUY		10/05/1966	CH4523707005601	52189	H10.2	02/04/2019	196.272	196.272	0	0,20	39.254
2	HUỶNH THỊ QUY		10/05/1966	CH4523707005601	52189	H40.1	27/06/2019	205.100	205.100	0	0,20	41.020
3	VÕ TRƯỞNG NHƯ VƯƠNG	01/09/1980		CH4523707008502	52015	H40.0	08/05/2019	205.100	205.100	0	0,20	41.020
4	NGUYỄN TẤN MINH	08/07/1962		CH4523796014398	52007	H52.4	26/02/2019	196.000	196.000	0	0,20	39.200
5	HỒ THỊ MỘNG THU		19/02/1965	CH4523796022542	52015	Z98.8	25/02/2019	202.200	202.200	0	0,20	40.440
6	NGUYỄN THỊ NỮ		10/02/1989	CH4525211002154	52195	H00.1	07/05/2019	200.210	200.210	0	0,20	40.042
7	NGUYỄN THỊ MỘNG HẬU		11/07/1984	CH4526210000935	52011	H10.1	19/06/2019	205.199	205.199	0	0,20	41.040
8	HUỶNH VĂN CHIM	10/10/1964		CN3525220602782	52015	H16.2	02/04/2019	205.272	205.272	0	0,05	10.264
9	ĐẶNG THỊ SANG		15/12/1973	CN3525220679923	52015	H04.1	05/06/2019	196.150	196.150	0	0,05	9.808
10	NGUYỄN THỊ YẾN		20/02/1940	CN3525220981543	52009	H40.1	21/03/2019	205.100	205.100	0	0,05	10.255
11	TRẦN THỊ PHỤNG		01/05/1967	CN3525220998063	52009	H40.2	06/05/2019	205.000	205.000	0	0,05	10.250
12	NGUYỄN THỊ THỦY		04/02/1956	CN3525221017326	52009	H52.1	21/05/2019	199.100	199.100	0	0,05	9.955
13	VÕ NGỌC TẤN	25/08/1963		DN4523704005824	52002	H52.0	11/02/2019	196.000	196.000	0	0,20	39.200
14	LÊ NGUYỄN MẠNH HÙNG	29/10/1982		DN4523705002232	52019	H10.2	28/03/2019	202.200	202.200	0	0,20	40.440
15	LÊ THỊ THU HỒNG		03/11/1978	DN4523706000188	52187	H16.2	29/01/2019	206.472	206.472	0	0,20	41.294
16	LÊ BÁ HOAN	07/10/1968		DN4523796016132	52012	H52.4	22/02/2019	195.200	195.200	0	0,20	39.040
17	LÊ XUÂN TIẾN	1964		DN4523796027585	52002	H40.1	24/05/2019	202.735	202.735	0	0,20	40.547
18	HỒ VĂN TOÀN	01/01/1975		DN4525216004474	52009	H16.2	17/06/2019	202.672	202.672	0	0,20	40.534
19	ĐẶNG VĂN ĐÔNG	02/10/1967		DN4525216025252	52002	H40.2	21/06/2019	205.100	205.100	0	0,20	41.020
20	NGUYỄN HỮU THÀNH	20/06/1994		DN4525220985778	52009	H16.1	17/05/2019	195.199	195.199	0	0,20	39.040
21	NGUYỄN HỮU THÀNH	20/06/1994		DN4525220985778	52009	H16.2	25/04/2019	208.199	208.199	0	0,20	41.640

22	NGUYỄN BÁ THỌ	10/09/1951		GD4525220076931	52203	H40.1	27/06/2019	205.100	205.100	0	0,20	41.020
23	NGUYỄN THỊ HIỆP		09/10/1954	GD4525220131970	52186	Z98.8	16/01/2019	202.200	202.200	0	0,20	40.440
24	NGUYỄN NGỌC CHÁNH	02/04/1954		GD4525220139553	52203	Z98.8	02/05/2019	202.735	202.735	0	0,20	40.547
25	NGUYỄN NGỌC CHÁNH	02/04/1954		GD4525220139553	52203	Z98.8	11/04/2019	206.300	206.300	0	0,20	41.260
26	PHAN THỊ BA		28/06/1943	GD4525220248633	52014	Z98.8	21/03/2019	202.350	202.350	0	0,20	40.470
27	NGÔ THỊ TÙNG		10/09/1949	GD4525220258782	52017	H52.1	27/06/2019	199.200	199.200	0	0,20	39.840
28	NGUYỄN BÌNH	1963		GD4525220316159	52017	Z98.8	26/02/2019	202.200	202.200	0	0,20	40.440
29	NGUYỄN NHA	13/06/1960		GD4525220374829	52014	H16.1	24/05/2019	202.672	202.672	0	0,20	40.534
30	TRẦN THỊ MINH TÂM		12/04/1988	GD4525220411394	52014	H16.1	02/05/2019	202.820	202.820	0	0,20	40.564
31	HOÀNG HIẾU TRUNG	06/07/1970		GD4525220465630	52013	H16.2	04/01/2019	199.002	199.002	0	0,20	39.800
32	VÕ HOÀNG LUÂN	15/01/1997		GD4525220483299	52013	H16.2	02/04/2019	198.772	198.772	0	0,20	39.754
33	NGUYỄN THỊ THÍCH		10/09/1967	GD4525220485017	52013	H52.4	03/01/2019	196.000	196.000	0	0,20	39.200
34	NGUYỄN XU	01/01/1940		GD4525220485481	52013	Z98.8	02/01/2019	202.200	202.200	0	0,20	40.440
35	HUỶNH MINH THUẬN	02/09/1956		GD4525220495279	52013	H43.3	25/06/2019	207.000	207.000	0	0,20	41.400
36	KIỀU VĂN LIỆU	1966		GD4525220504418	52013	Z98.8	27/02/2019	202.200	202.200	0	0,20	40.440
37	NGUYỄN THỊ THANH LONG		01/01/1972	GD4525220508070	52013	H52.4	11/06/2019	196.000	196.000	0	0,20	39.200
38	LÊ THỊ BÀN		22/06/1945	GD4525220523444	52013	H10.4	03/01/2019	199.100	199.100	0	0,20	39.820
39	BÙI THỊ DUẬN		27/06/1985	GD4525220547816	52013	H16.1	24/04/2019	195.569	195.569	0	0,20	39.114
40	NGUYỄN THỊ DẬY		22/02/1983	GD4525220548628	52013	H52.0	31/01/2019	196.000	196.000	0	0,20	39.200
41	HUỶNH CẦN	10/03/1943		GD4525220548691	52013	Z98.8	02/01/2019	202.200	202.200	0	0,20	40.440
42	LƯU THỊ NHÂN		02/06/1982	GD4525220548995	52013	H16.2	15/01/2019	196.359	196.359	0	0,20	39.272
43	NGUYỄN THỊ SANG		1951	GD4525220555115	52013	H52.2	20/02/2019	205.700	205.700	0	0,20	41.140
44	PHAN THỊ THU		14/12/1966	GD4525220569141	52015	H16.1	26/02/2019	204.900	204.900	0	0,20	40.980
45	TRƯƠNG NGỌC MI	20/12/1953		GD4525220577142	52015	Z98.8	17/01/2019	202.200	202.200	0	0,20	40.440
46	VÕ THỊ MAI		18/10/1963	GD4525220609071	52015	H16.1	24/04/2019	202.672	202.672	0	0,20	40.534
47	HỒ THỊ LÝ		10/10/1951	GD4525220620104	52015	H52.4	03/01/2019	196.000	196.000	0	0,20	39.200
48	THÂN THỊ HÁT		1951	GD4525220623709	52015	H11.1	04/01/2019	204.872	204.872	0	0,20	40.974
49	NGUYỄN THỊ SỰ		1959	GD4525220681567	52015	H52.4	19/02/2019	196.000	196.000	0	0,20	39.200
50	NGUYỄN THỊ PHI		1952	GD4525220723547	52015	H40.1	19/04/2019	205.100	205.100	0	0,20	41.020
51	VÕ THỊ TÂN		12/06/1944	GD4525220738499	52015	Z98.8	02/05/2019	202.200	202.200	0	0,20	40.440
52	HUỶNH VĂN MINH	09/12/1970		GD4525220800800	52120	H40.2	28/03/2019	203.200	203.200	0	0,20	40.640

53	PHẠM THANH	10/04/1954		GD4525220856871	52185	H16.1	11/04/2019	195.500	195.500	0	0,20	39.100
54	NGUYỄN THỊ BÍCH HÒA		10/01/1955	GD4525220930169	52009	Z98.8	10/04/2019	197.972	197.972	0	0,20	39.594
55	PHẠM THỊ CHÂU		12/08/1954	GD4525220937018	52009	Z98.8	23/01/2019	200.350	200.350	0	0,20	40.070
56	TỔNG BÌNH NHUNG	05/10/1961		GD4525220950572	52009	H40.1	08/01/2019	200.900	200.900	0	0,20	40.180
57	VÕ NGỌC THANH	03/03/1970		GD4525220970823	52009	H16.1	19/06/2019	197.900	197.900	0	0,20	39.580
58	PHẠM XONG	05/05/1955		GD4525220985922	52009	Z98.8	31/01/2019	202.200	202.200	0	0,20	40.440
59	ĐINH THỊ GIỚI		10/10/1955	GD4525221020819	52009	H52.4	23/01/2019	196.000	196.000	0	0,20	39.200
60	TRẦN QUỐC TUẤN	06/10/1940		GD4525221021670	52009	H40.1	17/01/2019	202.915	202.915	0	0,20	40.583
61	LÊ THỊ XUÂN HƯƠNG		10/02/1956	GD4525221032977	52009	H04.4	20/05/2019	201.450	201.450	0	0,20	40.290
62	NGUYỄN THỊ THA		13/08/1991	GD4525221043122	52009	H16.1	24/06/2019	195.500	195.500	0	0,20	39.100
63	HUỶNH THỊ TUYẾT TRINH		1961	GD4525221052887	52009	H10.2	13/05/2019	195.899	195.899	0	0,20	39.180
64	TRẦN THỊ THANH NHUNG		1982	GD4525221064165	52009	H16.1	21/05/2019	198.750	198.750	0	0,20	39.750
65	BÙI VĂN BẢO	01/10/1966		GD4525221064841	52009	H16.2	10/05/2019	199.500	199.500	0	0,20	39.900
66	ĐỖ THỊ HÀ		02/06/1965	GD4525221072740	52009	Z98.8	31/01/2019	202.200	202.200	0	0,20	40.440
67	TRẦN THỊ TÌNH		06/09/1968	GD4525221076725	52007	H52.2	22/01/2019	196.000	196.000	0	0,20	39.200
68	LÊ SANH NGỌC	06/03/1970		GD4525221079117	52007	H10.2	08/05/2019	208.390	208.390	0	0,20	41.678
69	NGUYỄN VĂN LỘC	03/12/1955		GD4525221081290	52007	Z98.8	25/02/2019	202.200	202.200	0	0,20	40.440
70	LÊ THANH HÙNG	12/03/1965		GD4525221082938	52007	H40.1	11/01/2019	196.792	196.792	0	0,20	39.358
71	NGÔ THỊ SÁU		06/10/1943	GD4525221132373	52007	Z98.8	03/04/2019	202.200	202.200	0	0,20	40.440
72	DIỆP THỊ XUÂN BA		01/02/1953	GD4525221134514	52007	H52.1	08/03/2019	196.000	196.000	0	0,20	39.200
73	NGUYỄN MINH CHÂU	05/05/1968		GD4525221140922	52007	H40.1	25/04/2019	205.100	205.100	0	0,20	41.020
74	NGUYỄN MINH CHÂU	05/05/1968		GD4525221140922	52007	H40.1	27/06/2019	205.100	205.100	0	0,20	41.020
75	CAO VĂN MINH	05/01/1944		GD4525221176649	52007	H01.0	29/03/2019	201.300	201.300	0	0,20	40.260
76	NGUYỄN THÚY VY		16/08/2002	GD4525221178905	52007	H52.0	04/03/2019	196.000	196.000	0	0,20	39.200
77	NGUYỄN NGỌC TÂN	24/08/1982		GD4525221182586	52007	H52.2	05/03/2019	196.000	196.000	0	0,20	39.200
78	TRẦN VĨNH BÌNH	07/03/1968		GD4525221192299	52007	H52.2	27/02/2019	196.000	196.000	0	0,20	39.200
79	ĐÀO THANH TUẤN	10/05/1973		GD4525221201098	52007	H36.0*	22/01/2019	201.630	201.630	0	0,20	40.326
80	TRẦN HỮU TIẾN	25/12/1987		GD4525221207187	52007	H16.1	26/06/2019	196.872	196.872	0	0,20	39.374
81	NGUYỄN THÀNH ĐƯỢC	02/01/1944		GD4525221222591	52007	Z98.8	07/01/2019	199.100	199.100	0	0,20	39.820
82	ĐỒNG THỊ HẠNH		05/02/1967	GD4525221224667	52007	Z98.8	21/03/2019	206.800	206.800	0	0,20	41.360
83	NGUYỄN VĂN TÀI	24/05/1949		GD4525221225731	52007	H16.1	16/01/2019	202.200	202.200	0	0,20	40.440

84	NGUYỄN ĐÌNH QUANG	12/02/1971		GD4525221235884	52007	H00	12/03/2019	196.850	196.850	0	0,20	39.370
85	NGUYỄN ĐÌNH QUANG	12/02/1971		GD4525221235884	52007	H16.1	05/04/2019	202.672	202.672	0	0,20	40.534
86	NGUYỄN THỊ HƯƠNG		07/07/1941	GD4525221241361	52007	Z98.8	25/02/2019	202.200	202.200	0	0,20	40.440
87	TRẦN NGỌC LÂN	08/04/1949		GD4525221244924	52007	H40.0	18/06/2019	203.899	203.899	0	0,20	40.780
88	TRẦN THỊ BĂNG		24/06/1988	GD4525221246005	52007	H52.1	08/04/2019	196.000	196.000	0	0,20	39.200
89	LÊ VĂN DƯƠNG	10/10/1945		GD4525221246734	52007	Z98.8	21/02/2019	202.200	202.200	0	0,20	40.440
90	NGÔ ĐỨC THANH	28/12/1975		GD4525221270390	52200	Z98.8	30/01/2019	202.200	202.200	0	0,20	40.440
91	CHÂU VĂN NHÂN	12/03/1965		GD4525221273311	52203	H40.2	24/05/2019	202.735	202.735	0	0,20	40.547
92	LÊ VĂN SÔNG	12/08/1964		GD4525221289898	52002	H36.0*	08/03/2019	198.100	198.100	0	0,20	39.620
93	NGUYỄN THỊ TÀI		1964	GD4525221290760	52006	Z98.8	20/02/2019	202.200	202.200	0	0,20	40.440
94	LÊ THỊ HIỆP		29/09/1971	GD4525221292649	52006	H16.2	28/05/2019	205.512	205.512	0	0,20	41.102
95	TRẦN THỊ LỆ		25/07/1966	GD4525221296649	52006	H04.1	28/02/2019	198.700	198.700	0	0,20	39.740
96	MAN ĐÌNH HÙNG	20/03/1942		GD4525221316441	52007	H25.1	18/02/2019	206.299	206.299	0	0,20	41.260
97	PHẠM MINH NÔNG	29/09/1961		GD4525221321649	52019	H00.1	17/04/2019	200.870	200.870	0	0,20	40.174
98	PHAN THỊ CẢNH		18/06/1956	GD4525221326909	52200	H01.0	10/04/2019	207.100	207.100	0	0,20	41.420
99	NGUYỄN THỊ TÙNG		01/01/1955	GD4525221346519	52002	Z98.8	13/02/2019	202.200	202.200	0	0,20	40.440
100	HỒ NHẬT TÂN	1948		GD4525221356573	52187	H16.1	23/04/2019	196.322	196.322	0	0,20	39.264
101	NGUYỄN THỊ BÓN		20/06/1964	GD4525221391989	52006	H16.1	27/03/2019	206.029	206.029	0	0,20	41.206
102	NGUYỄN VĂN ĐẠT	05/04/1968		GD4525221420427	52006	Z98.8	31/01/2019	202.200	202.200	0	0,20	40.440
103	HỒ THỊ XUÂN LIỄU		05/01/1952	GD4525221426525	52200	H01.0	10/04/2019	202.950	202.950	0	0,20	40.590
104	LÊ THANH LONG	10/02/1977		GD4525221444054	52002	S05.1	15/05/2019	201.400	201.400	0	0,20	40.280
105	NGUYỄN VĂN MƯỜI	03/02/1970		GD4525221482693	52006	Z98.8	07/03/2019	205.635	205.635	0	0,20	41.127
106	NGUYỄN THỊ KIM QUY		10/07/1967	GD4525221483371	52002	H16.1	09/01/2019	199.300	199.300	0	0,20	39.860
107	NGUYỄN THỊ TRINH		1972	GD4525221487951	52203	H40.1	16/05/2019	205.100	205.100	0	0,20	41.020
108	PHAN THỊ DƯ		15/10/1948	GD4525221525944	52007	Z98.8	25/02/2019	202.200	202.200	0	0,20	40.440
109	HUỶNH THỊ NGÀ		01/08/1956	GD4525221551248	52009	H40.2	18/06/2019	205.100	205.100	0	0,20	41.020
110	NGUYỄN VĂN NHIỆM	01/01/1941		GD4525221634373	52120	Z98.8	23/05/2019	202.200	202.200	0	0,20	40.440
111	ĐẶNG THỊ THIỆT		12/08/1962	GD4525221675728	52009	Z98.8	25/02/2019	202.200	202.200	0	0,20	40.440
112	PHAN THỊ NHUẬN		20/07/1949	GD4525221675924	52009	H20.0	12/02/2019	200.700	200.700	0	0,20	40.140
113	PHAN THỊ NHUẬN		20/07/1949	GD4525221675924	52009	H16.1	03/01/2019	205.032	205.032	0	0,20	41.006
114	PHAN THỊ NHUẬN		20/07/1949	GD4525221675924	52009	H40.0	22/04/2019	205.100	205.100	0	0,20	41.020

115	NGUYỄN THỊ BÁ		1960	GD4525221715674	52015	H10.2	08/01/2019	197.099	197.099	0	0,20	39.420
116	NGUYỄN THỊ HOA		20/09/1973	GD4525221764171	52203	H52.1	16/04/2019	198.400	198.400	0	0,20	39.680
117	NGUYỄN THỊ MINH TÂN		02/01/1959	GD4525221774777	52002	H40.1	28/03/2019	202.600	202.600	0	0,20	40.520
118	TỔNG THỊ HƯƠNG		04/04/1949	GD4525221779636	52009	Z98.8	31/01/2019	202.200	202.200	0	0,20	40.440
119	ĐÌNH THANH PHƯƠNG	24/08/1992		GD4525221797326	52002	H16.2	20/03/2019	201.520	201.520	0	0,20	40.304
120	NGUYỄN VĂN TUẤN	30/05/1974		GD4525221797812	52007	H40.2	22/05/2019	198.700	198.700	0	0,20	39.740
121	NGUYỄN VĂN TUẤN	30/05/1974		GD4525221797812	52007	H20.0	29/05/2019	200.460	200.460	0	0,20	40.092
122	PHAN VĂN TRUNG	05/07/1964		GD4525221800155	52007	H52.1	15/01/2019	205.700	205.700	0	0,20	41.140
123	TRẦN THỊ CHÍN		20/04/1980	GD4525221849612	52007	H52.1	17/01/2019	196.000	196.000	0	0,20	39.200
124	NGUYỄN THỊ HƯƠNG		07/10/1970	GD4525221863812	52013	H40.1	28/03/2019	208.000	208.000	0	0,20	41.600
125	NGUYỄN ĐỨC QUAN	24/04/1982		GD4525221966256	52067	H35	06/06/2019	203.310	203.310	0	0,20	40.662
126	NGUYỄN MINH KỶ	10/06/1961		HC4523703001098	52013	H52.0	25/01/2019	196.150	196.150	0	0,20	39.230
127	NGUYỄN ĐÌNH TOÀN	01/08/1975		HC4523705002596	52015	H11.1	25/04/2019	208.499	208.499	0	0,20	41.700
128	LÊ THỊ THANH HUỆ		05/07/1980	HC4523706006408	52187	H10.2	05/03/2019	197.972	197.972	0	0,20	39.594
129	VÕ THỊ VĨNH THẮNG		17/09/1979	HC4523706008567	52007	H52.1	13/03/2019	196.000	196.000	0	0,20	39.200
130	PHẠM THỊ NGỌC HÀ		02/11/1990	HC4525213003181	52015	H52.1	11/01/2019	196.000	196.000	0	0,20	39.200
131	NGUYỄN THỊ ĐIỀU HIỀN		20/11/1991	HC4525220144908	52002	H10.1	17/05/2019	205.199	205.199	0	0,20	41.040
132	ĐẶNG THỊ THANH TUYỀN		27/06/1993	HC4525220590394	52203	H16.2	04/05/2019	197.972	197.972	0	0,20	39.594
133	ĐẶNG THỊ THANH TUYỀN		27/06/1993	HC4525220590394	52203	H10.4	17/05/2019	202.200	202.200	0	0,20	40.440
134	PHẠM MINH PHÚ		07/10/2005	HS4525220483473	52077	H52.2	26/02/2019	196.000	196.000	0	0,20	39.200
135	TRẦN YẾN VY		24/04/2004	HS4525220537595	52013	H52.1	21/02/2019	196.000	196.000	0	0,20	39.200
136	NGÔ THỊ NGỌC HẠNH		09/01/2002	HS4525220572022	52015	H52.1	06/06/2019	196.150	196.150	0	0,20	39.230
137	NGUYỄN THỊ TUYẾT SƯƠNG		08/06/2002	HS4525221135274	52007	H52.1	23/01/2019	196.000	196.000	0	0,20	39.200
138	HUYỀN THỊ TUYẾT KHA		25/10/2001	HS4525221190452	52007	H52.1	14/02/2019	196.000	196.000	0	0,20	39.200
139	LƯƠNG THỊ THANH THỦY		12/03/2002	HS4525221213910	52007	H52.1	19/02/2019	196.000	196.000	0	0,20	39.200
140	HUYỀN THỊ CẨM GIANG		16/11/2006	HS4525221218557	52007	H52.0	15/02/2019	196.000	196.000	0	0,20	39.200
141	NGUYỄN ĐIỀU ANH THƯ		01/01/2003	HS4525221377888	52002	H15.1	11/01/2019	207.850	207.850	0	0,20	41.570
142	NGÔ THỊ TỎ THU		20/10/1969	HT3523707001326	52006	H20.0	04/01/2019	195.822	195.822	0	0,05	9.791
143	HÀ VĂN BAN	07/09/1955		HT3523796000914	52011	H52.0	28/03/2019	205.700	205.700	0	0,05	10.285
144	ĐẶNG THỊ MINH TIẾN		12/08/1958	HT3523796004216	52017	H40.1	21/02/2019	208.000	208.000	0	0,05	10.400
145	ĐẶNG THỊ MINH TIẾN		12/08/1958	HT3523796004216	52017	H40.1	21/03/2019	208.000	208.000	0	0,05	10.400

146	ĐẶNG THỊ HƯƠNG		16/06/1951	HT3523796021065	52009	H52.2	18/04/2019	199.200	199.200	0	0,05	9.960
147	NGUYỄN MINH ĐỨC	05/10/1948		HT3523796031993	52006	H40.1	08/01/2019	206.100	206.100	0	0,05	10.305
148	HÀ VĂN TỊNH	07/10/1964		KC4525216009407	52006	H25.1	02/01/2019	196.000	196.000	0	0,20	39.200
149	NGUYỄN VĂN ĐỨC	22/02/1950		KC4525220430433	52017	Z98.8	30/01/2019	202.200	202.200	0	0,20	40.440
150	NGUYỄN THỊ CÂN		1941	KC4525220485448	52077	H52.2	02/04/2019	196.000	196.000	0	0,20	39.200
151	ĐỖ THỊ BA		1945	KC4525220699789	52091	H16.1	28/06/2019	201.100	201.100	0	0,20	40.220
152	HỒ THỊ KIM HỒNG		1955	KC4525221194197	52007	H10.4	13/06/2019	207.250	207.250	0	0,20	41.450
153	NGÔ VĂN HÙNG	1954		KC4525221291448	52006	H16.1	04/03/2019	197.900	197.900	0	0,20	39.580
154	LÂM THỊ THU HƯỜNG		03/08/1997	SV4525221793579	52019	H52.1	24/01/2019	196.000	196.000	0	0,20	39.200
155	LÊ THỊ LỘC		01/01/1942	TA4525220127724	52186	H40.1	27/03/2019	206.957	206.957	0	0,20	41.391
156	HUỶNH THỊ TRIÊM		1961	TA4525220628721	52015	H52.1	26/04/2019	199.200	199.200	0	0,20	39.840
157	MAI THANH HÀ		13/05/2004	TA4525220798759	52185	H52.2	09/01/2019	196.000	196.000	0	0,20	39.200
158	PHẠM THỊ TÝ		10/06/1960	TA4525221603390	52185	Z98.8	08/01/2019	202.200	202.200	0	0,20	40.440
<b>Tổng cộng</b>											<b>6.016.351</b>	